TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý;

2. Ông Võ Cao Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1219/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985; Thường trú: Thôn 5, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú: Số 521/50/10E khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân Th, sinh năm 1979; Thường trú: Xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Tạm trú: Số 13/25A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Chị Bùi Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Lê Xuân Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th tìm hiểu nhau thời gian 01 năm thì tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2008 ngày 05/5/2008. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại khu phố B, phường A,

thị xã D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Lê Xuân Th không đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, hay uống rượu say xỉn rồi chửi mắng chị Bùi Thị T, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng anh chị đã ly thân được 03 năm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, chị Bùi Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân Th.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê Bùi Phương L, sinh ngày 19/10/2014, hiện nay con đang sống chung với chị Bùi Thị T. Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Bùi Phương L và không yêu cầu anh Lê Xuân Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Xuân Th đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Lê Xuân Th không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 18/12/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th tại địa phương và được cung cấp: Chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th là vợ chồng, cùng chung sống tại số 13/25A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Từ khi vợ chồng sống tại đây, địa phương không nghe trình báo gì về mâu thuẫn giữa hai anh chị. Từ tháng 10/2018 đến nay, chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th không còn sống chung một nhà với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Lê Bùi Phương L, sinh ngày 19/10/2014 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Lê Xuân Th cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 15/02/2019 và ngày 12/3/2019 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2008 ngày 05/5/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Bùi Thị T cho rằng từ năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Lê Xuân Th không đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, hay uống rượu say xỉn rồi chửi mắng chị Bùi Thị T, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng anh chị đã ly thân được 03 năm, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Lê Xuân Th đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Lê Xuân Th không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh Lê Xuân Th đối với chị Bùi Thị T đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Lê Xuân Th bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Bùi Thị T cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Bùi Thị T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Bùi Phương L, sinh ngày 19/10/2014. Chị Bùi Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bùi Phương L, không yêu cầu anh Lê Xuân Th phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Hiện nay cháu L sống cùng mẹ, cháu là bé gái và đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, chị Bùi Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Lê Xuân Th cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với anh Lê Xuân Th về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Lê Xuân Th.

- Về con chung: Buộc anh Lê Xuân Th giao con chung tên Lê Bùi Phương L, sinh ngày 19/10/2014 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Lê Xuân Th cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Th đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Xuân Th lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Bùi Thị T nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027775, ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Dung